

Số: /BC-UBND

Hạ Hòa, ngày tháng 05 năm 2024

BÁO CÁO

Tiến độ, kết quả thực hiện Kết luận số 121-KL/TU ngày 21/09/2021 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về kế hoạch phát triển nông, lâm nghiệp, thủy sản huyện Hạ Hòa giai đoạn 2021-2025, định hướng đến năm 2030

Thực hiện Văn bản số 1005-CV/HU ngày 14/03/2024 của Huyện ủy về việc báo cáo tiến độ, kết quả thực hiện các nghị quyết, kết luận của cấp ủy các cấp ban hành từ đầu nhiệm kỳ 2020-2025 đến nay, UBND huyện Hạ Hòa báo cáo tiến độ, kết quả thực hiện cụ thể như sau:

I. TÌNH HÌNH CHUNG

1. Thuận lợi

Công tác chỉ đạo sản xuất nông nghiệp đã được triển khai tích cực; công tác chỉ đạo gieo trồng theo đúng khung lịch thời vụ, công tác dự tính, dự báo và phòng trừ các đối tượng sâu bệnh được triển khai ngay từ đầu vụ; thường xuyên tuyên truyền các chủ trương chính sách hỗ trợ của tỉnh, của huyện đến các xã, thị trấn để người dân biết tham gia thực hiện chương trình theo đúng quy định. Công tác dịch vụ trên các lĩnh vực được chỉ đạo quyết liệt, nhất là hoạt động cung ứng giống, vật tư, nước tưới; xây dựng thực hiện các mô hình về giống, các tiến bộ kỹ thuật.

2. Khó khăn

Sản xuất nông nghiệp thường xuyên chịu ảnh hưởng bởi các hiện tượng thời tiết bất lợi (mưa, bão); dịch bệnh trên cây trồng, vật nuôi diễn biến phức tạp và nguy cơ bùng phát; giá các loại vật tư đầu vào sản xuất tăng cao, giá đầu ra nông sản không ổn định, giá thịt hơi xuất chuồng trên đàn trâu bò xuống thấp đã ảnh hưởng đến việc đầu tư của doanh nghiệp và các hộ dân.

II. KẾT QUẢ ĐẠT ĐƯỢC

1. Công tác lãnh đạo, chỉ đạo

1.1. Công tác học tập, quán triệt, triển khai thực hiện Kết luận

Ngay sau khi Ban Thường vụ Tỉnh ủy ban hành Kết luận số 121-KL/TU, UBND huyện đã chỉ đạo đẩy mạnh công tác thông tin tuyên truyền về mục đích, ý nghĩa và các nội dung thực hiện Kết luận của Ban Thường vụ Tỉnh ủy đến các cấp, các ngành và người dân (tham mưu ban hành Kế hoạch số 2173/KH-UBND ngày 26/11/2021 của UBND huyện về phát triển nông, lâm nghiệp, thủy sản trên địa bàn huyện Hạ Hòa giai đoạn 2021-2025; và các văn bản chỉ đạo sản xuất hàng vụ, hàng năm). Tập trung đẩy mạnh tuyên truyền, phổ biến về cơ cấu lại sản xuất

theo hướng hàng hóa tập trung, liên kết theo chuỗi giá trị, phát triển sản phẩm chủ lực của huyện gắn với thị trường tiêu thụ bền vững (cây Chuối, bưởi, lúa chất lượng cao, chè, bí xanh, bò chất lượng cao, ứng dụng công nghệ trong nuôi thủy sản,...), ứng dụng công nghệ số trong nông nghiệp, thúc đẩy phát triển nền kinh tế hữu cơ,...; thông qua các hình thức đa dạng, phong phú (*trên các phương tiện thông tin đại chúng, tổ chức hội nghị, hội thảo, dự án, mô hình...*), triển khai đồng bộ trên toàn huyện, giúp cho mỗi cán bộ, Đảng viên và đặc biệt là người nông dân hiểu được mục tiêu, kế hoạch của Kết luận.

1.2. Công tác kiểm tra, giám sát việc thực hiện Nghị quyết, Kết luận

Ngay sau khi Kết luận của Ban Thường vụ Tỉnh ủy ban hành, UBND huyện đã chỉ đạo các phòng đơn vị, UBND các xã, thị trấn kiểm tra, giám sát và đôn đốc triển khai thực hiện kế hoạch phát triển nông, lâm nghiệp, thủy sản, các chính sách hỗ trợ phát triển nông nghiệp theo đúng quy định.

Định kỳ hàng tháng, quý, năm UBND huyện đã chỉ đạo các phòng, đơn vị, UBND các xã rà soát, tham mưu, báo cáo, đánh giá kết quả thực hiện Kế hoạch.

2. Kết quả thực hiện

2.1. Kết quả thực hiện các mục tiêu

* Kết quả đạt được các mục tiêu lĩnh vực nông, lâm nghiệp, thủy sản: Giá trị sản phẩm bình quân trên 1 héctơ đất canh tác nông, lâm nghiệp và thủy sản (theo giá hiện hành) ước đạt: 123 triệu đồng/ha bằng 106,95% so với năm 2025 (đạt 115 triệu đồng/ha).

* Kết quả đạt được các mục tiêu kế hoạch phát triển nông, lâm nghiệp, thủy sản; các cây trồng, vật nuôi chủ lực :

- Lĩnh vực trồng trọt:

+ Cây lương thực: Tổng diện tích cây lương thực có hạt: 8.390,05 ha bằng 97,4% so với năm 2020 và bằng 102,3% so với KH năm 2025, sản lượng lương thực có hạt: 46.656 tấn bằng 102,4% so với năm 2020 và 98,9% so với năm 2025.

Cây lúa: Diện tích cây lúa: 7.127,68 ha bằng 95,2% so với năm 2020 và bằng 100,3% so với KH năm 2025. Trong đó, diện tích đất trồng lúa hàng hóa chất lượng cao bằng 97,9% so với năm 2020 và bằng 93% so với năm 2025. Năng suất đạt 58,2 tạ/ha, sản lượng 42.135,44 tấn. Diện tích lúa giảm do một số diện tích vụ mùa thường xuyên bị ngập úng nên để lúa chết và chuyển đổi sang nuôi trồng thủy sản mang lại hiệu quả kinh tế cao hơn.

Cây ngô: Tổng diện tích trồng ngô: 2.394,8 ha, trong đó: ngô trồng lấy hạt: 970 ha bằng 85,8% so với năm 2020 và bằng 88,1% so với năm 2025, năng suất đạt 47 tạ/ha, sản lượng ước đạt: 4.520,6 tấn; ngô sinh khối: tổng diện tích trồng cây ngô sinh khối: 1.424,7 ha, năng suất đạt 50 tấn/ha, sản lượng: 71.000 tấn. Đã hình thành vùng sản xuất liên kết tiêu thụ sản phẩm ngô sinh khối trên địa bàn các xã tham gia chương trình.

- Cây rau: Diện tích 1.681,8 ha bằng 108,7% so với năm 2020 và bằng 112,1% so với KH năm 2025, sản lượng ước đạt 29.430,8 tấn bằng 115,5% so với năm 2020 và bằng 114% so với năm 2025. Đã xây dựng và phát triển 3 nhà màng trồng rau công nghệ cao tại xã Vĩnh Chân và Hiền Lương; hình thành 6 vùng sản xuất tập trung tại các xã: Văn Lang, Hiền Lương, Xuân Áng, Đan Thượng, Vĩnh Chân, Vô Tranh.

- Cây lâu năm:

Cây chè: Diện tích chè 1.559 ha, diện tích chè giảm do qua huyện Hạ Hòa đẩy mạnh phát triển kinh tế - xã hội, xây dựng huyện nông thôn mới, trong đó đầu tư xây dựng kết cấu hạ tầng các dự án về đường giao thông, đường điện, hành lang... vì vậy đã thu hồi một số diện tích chè của nhân dân; chuyển đổi từ diện tích trồng chè sang trồng cây ăn quả có hiệu quả kinh tế cao hơn.

UBND huyện chỉ đạo các xã, thị trấn tích cực trồng lại thay thế diện tích chè giống cũ bằng các giống chè mới có năng suất, chất lượng cao để tăng năng suất, sản lượng. Sản lượng chè đã thu hoạch : 21.697 tấn đạt 91,3% so với năm 2020 và bằng 97,4% so với KH năm 2025.

- Cây ăn quả: Thực hiện chủ trương tái cơ cấu ngành trồng trọt theo hướng phát triển sản xuất nâng cao giá trị sản phẩm gắn với bảo quản, chế biến và tiêu thụ sản phẩm trên cơ sở phát huy lợi thế sản phẩm và lợi thế phát triển du lịch trên địa bàn huyện. Tập trung phát triển các loại cây ăn quả có chất lượng theo hướng hàng hóa tập trung, liên kết theo chuỗi giá trị gắn với thị trường tiêu thụ và xây dựng thương hiệu sản phẩm gắn với cấp mã số vùng trồng, truy xuất nguồn gốc như: cam, bưởi, chuối, thanh long ruột đỏ... có giá trị kinh tế cao, phát triển mang tính hàng hóa, bền vững tại các xã : Tứ Hiệp, Đại Phạm, Hà Lương, Thị trấn Hạ Hòa, Gia Điền, Vô Tranh, Xuân Áng...;

+ Cây bưởi: Diện tích cây bưởi hiện có: 315ha, diện tích bưởi cho sản phẩm: 290 ha, năng suất đạt 130 tạ/ha bằng 108% so với năm 2020 và bằng 100% so với năm 2025. Diện tích bưởi được chứng nhận VietGAP là 82 ha (06 giấy chứng nhận)

+ Cây chuối: Diện tích cây chuối: 500 ha, diện tích cho sản phẩm: 444,99 ha, năng suất đạt 350 - 400 tạ/ha bằng 115% so với năm 2020 và bằng 99% so với năm 2025.

- Lĩnh vực lâm nghiệp: Hàng năm trên địa bàn toàn huyện trồng được 850 ha rừng trồng tập trung, 220.000 cây phân tán chủ yếu là cây keo. Sản lượng gỗ khai thác bình quân đạt 85.000 m³ /năm bằng 113,6% so với năm 2020, đạt 100% so với KH năm 2025. Mở rộng sản xuất có cấp chứng chỉ rừng trồng FSC với diện tích trên 3.000 ha (tại xã Đan Thượng, Tứ Hiệp, Hiền Lương, Yên Kỳ, Hương Xạ và Xuân Áng); chuyển hóa rừng gỗ lớn cho 38,8 ha. Giữ độ che phủ 36%.

- Lĩnh vực chăn nuôi - Thủy sản:

Chăn nuôi: Tổng đàn vật nuôi : Trâu: 4.500 con bằng 90,5% so với năm 2020 và 88% so KH năm 2025; đàn bò: 5.500 con bằng 96,2% so với năm 2020

và bằng 92% so với KH năm 2025; đàn lợn 76.000 con bằng 134% so với năm 2020 và bằng 95% so với KH năm 2025; gia cầm 1.410.000 con bằng 119,4% so với năm 2020 và bằng 111,9% so với KH năm 2025.

Thủy sản: Tổng diện tích nuôi trồng thủy sản là 1.922 ha, trong đó diện tích chuyên nuôi là 1.660 ha; diện tích nuôi thâm canh tập trung 286 ha nuôi thâm canh bằng 131,1% so với năm 2020 và bằng 59,5% so với năm 2025; tỷ lệ con giống có chất lượng cao chiếm khoảng 60%. Sản lượng khai thác đạt 8.420 tấn. Hình thức nuôi thả giải vụ, vượt đông, xen ghép; thu hoạch theo hình thức “đánh tĩa, thả bù” được thực hiện tích cực nên đã khai thác được nhiều tháng trong năm, thuận lợi cho việc tiêu thụ sản phẩm.

- Chương trình mỗi xã một sản phẩm (OCOP):

Đến hết năm 2023, trên địa bàn huyện có 16 sản phẩm đạt tiêu chuẩn OCOP cấp tỉnh từ 3 sao trở lên (có 03 sản phẩm 4 sao, 13 sản phẩm 3 sao) đạt 80% so KH đến 2025. Có 09 chủ thể được chứng nhận đạt tiêu chuẩn OCOP cấp tỉnh (có 02 chủ thể là doanh nghiệp, 05 chủ thể là HTX/THT, 02 chủ thể là cơ sở sản xuất/hộ kinh doanh).

2.2. Kết quả thực hiện các nhiệm vụ, giải pháp

(1) Kết quả khoanh vùng sản xuất phù hợp với lợi thế của từng vùng, địa phương:

Trên địa bàn huyện đã hình thành các vùng sản xuất tập trung, bảo đảm truy xuất nguồn gốc gắn với chế biến và thị trường tiêu thụ theo lợi thế của từng xã:

- Vùng trồng rau: xã Văn Lang, Bằng Giã (Bí xanh), Minh Hạc, Đan Thượng, Vĩnh Chân, Hiền Lương, Xuân Áng; xây dựng vùng nguyên liệu, mời gọi các doanh nghiệp nông nghiệp liên kết tiêu thụ, chế biến sản phẩm tại các xã Văn Lang, Vĩnh Chân, Đan Thượng, Xuân Áng,...

- Vùng trồng cây ăn quả (Cây bưởi, cây chuối tây): tại các xã Vĩnh Chân, Đan Thượng, Lang Sơn, Tứ Hiệp, xã Đại Phạm, Hà Lương, Gia Điền,...

- Vùng sản xuất chè tập trung: tại các xã Yên Kỳ, Hương Xạ, Phương Viên, Tứ Hiệp, Gia Điền...

- Vùng chăn nuôi: vùng chăn nuôi bò thịt chất lượng cao tại các xã Bằng Giã, Lang Sơn, Xuân Áng,...; vùng chăn nuôi gà: Hiền Lương, Xuân Áng, Yên Kỳ,...; vùng chăn nuôi lợn: Tứ Hiệp, Minh Côi,...

- Vùng nuôi trồng thủy sản: tại xã Yên Kỳ, Vĩnh Chân, Yên Luật, Vô Tranh, Minh Côi, Xuân Áng, Bằng Giã.

- Vùng trồng cây lâm nghiệp: Đại Phạm, Hà Lương, Gia Điền, Xuân Áng, Vô Tranh,...; vùng sơ chế, chế biến gỗ: xã Âm Hạ, Phương Viên

(2) Kết quả ứng dụng, chuyển giao tiến bộ khoa học công nghệ, phát triển công nghệ chế biến và cơ giới hóa trong sản xuất.

- Kết quả chuyển đổi cơ cấu cây trồng, vật nuôi; sử dụng giống mới, giá trị kinh tế cao vào sản xuất:

Từ năm 2021-2024, trên địa bàn huyện Hạ Hoà đã chuyển đổi cơ cấu cây trồng trên đất trồng lúa 364,11 ha (đất 2 vụ lúa: 173,84 ha; đất 1 vụ lúa: 190,29 ha). Loại cây trồng chuyển đổi sang cây hàng năm (Ngô, rau, thức ăn gia súc): 208,59 ha; loại cây trồng chuyển đổi sang cây lâu năm (cây chuối, cây bưởi, cây khác) là 35,76 ha. Chuyển đổi từ trồng lúa sang trồng lúa kết hợp nuôi trồng thủy sản: 119,71 ha.

- Kết quả triển khai ứng dụng các quy trình sản xuất tiên tiến, công nghệ cao, tiết kiệm nước vào sản xuất:

+ Năm 2021, thực hiện mô hình nuôi lợn trên sàn không xả thải tiết kiệm nước tại xã Vĩnh Chân đã góp phần hạn chế ô nhiễm môi trường, ngăn ngừa dịch bệnh trên đàn vật nuôi. Nhờ có các mô hình đã tạo điều kiện cho các hộ nông dân tiếp cận được các tiến bộ kỹ thuật mới áp dụng trong sản xuất và mang lại hiệu quả kinh tế.

- Kết quả nâng cao năng lực cơ giới hóa, sơ chế, chế biến các sản phẩm nông, lâm, thủy sản vào sản phẩm: Đưa cơ giới hóa vào sản xuất ngô sinh khối trong giai đoạn cày, bừa, máy tra hạt, máy tra phân,...giai đoạn thu hoạch và sơ chế có máy gập ngô, máy băm,...

(3) Tăng cường công tác lãnh đạo, nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước.

Hàng năm thành lập đoàn kiểm tra liên ngành kiểm tra chất lượng vật tư nông nghiệp và an toàn thực phẩm nông lâm thủy sản; thành phần đoàn kiểm tra liên ngành gồm: Phòng nông nghiệp và PTNT, Trạm trồng trọt và BVTV, Trạm Khuyến nông, Trạm Chăn nuôi và thú y, Đội quản lý thị trường số 9, Công an huyện, phòng Y tế, Chủ tịch UBND các xã, thị trấn. Tăng cường công tác thông tin tuyên truyền, thanh tra, kiểm tra, lấy mẫu kiểm nghiệm để sớm phát hiện các vi phạm kịp thời chấn chỉnh các hoạt động kinh doanh theo đúng quy định. Đánh giá, tổng kết và báo cáo định kỳ hoặc đột xuất kết quả thực hiện kế hoạch với UBND huyện và Sở nông nghiệp và PTNT.

(4) Kết quả thực hiện chính sách hỗ trợ phát triển sản xuất :

+ Tổng nguồn vốn hỗ trợ thực hiện chính sách hỗ trợ của tỉnh giai đoạn 2021-2024 : 10.307,96 triệu đồng (ngân sách tỉnh là 9.277,17 triệu đồng, ngân sách huyện: 1.030,19 triệu đồng).

+ Tổng nguồn vốn hỗ trợ phát triển sản xuất của huyện (năm 2021-2024): 4.851,67 triệu đồng.

(5) Đổi mới và phát triển các hình thức tổ chức sản xuất phù hợp với yêu cầu sản xuất hàng hóa.

- Kết quả thu hút doanh nghiệp đầu tư vào nông nghiệp:

Tổng số dự án đăng ký đầu tư (giai đoạn 2020 - 2024): 02 dự án; dự án chăn nuôi bò thịt chất lượng cao có quy mô 1.500 con, số vốn đăng ký đầu tư 81.696,186 triệu đồng; dự án Liên kết sản xuất, tiêu thụ chuối có quy mô 110 ha, số vốn đăng ký đầu tư 20.576,546 triệu đồng, trong đó:

- Kết quả phát triển HTX, THT, Trang trại; xây dựng và nhân rộng các hợp tác xã, trang trại điển hình, hoạt động có hiệu quả để tuyên truyền nhân rộng.

+ Hợp tác xã: Tổng số Hợp tác xã đang hoạt động trên địa bàn huyện là 43 Hợp tác xã. Phối hợp với Ngân hàng Nông nghiệp và PTNT Hạ Hòa thực hiện các chính sách tín dụng hiện hành, hỗ trợ phát triển, tạo điều kiện cho các HTX nông nghiệp tiếp cận nguồn vốn ưu đãi để đầu tư mở rộng sản xuất kinh doanh.

+ Trang trại: Trong những năm qua mô hình kinh tế trang trại đã khẳng định hướng đi đúng đắn trong phát triển nông nghiệp nông thôn, thu hút một bộ phận lao động tại chỗ, tạo thêm việc làm và thu nhập cho người dân, góp phần xây dựng thành công chương trình nông thôn mới. Nhiều trang trại đã áp dụng tiến bộ KHKT vào sản xuất như: Chăn nuôi an toàn sinh học, trồng rau, hoa cao cấp trong nhà lưới, trồng trọt, chăn nuôi theo hướng VietGAP, thực hiện cơ giới hóa trong các khâu sản xuất cho giá trị kinh tế cao và bảo vệ môi trường sinh thái.

+ Các HTX, trang trại điển hình, hoạt động hiệu quả như: HTX Nông nghiệp và DVTH Vô Tranh; HTX thủy sản và dịch vụ tổng hợp Vô Tranh; HTX xây dựng và dịch vụ vận tải, nông nghiệp Duy Khánh...

- Kết quả phát triển các chuỗi giá trị trong sản xuất tiêu thụ sản phẩm, thị trường tiêu thụ.

Tổ chức lại sản xuất theo hướng liên kết, sản xuất hàng hóa tập trung theo chuỗi giá trên địa bàn huyện đã phát huy tốt vai trò của các doanh nghiệp, HTX trong đầu tàu, dẫn dắt các hộ dân trong tổ chức sản xuất và tiêu thụ sản phẩm các sản phẩm: Chuối tây của công ty TNHH TMDV Biển Xanh hàng năm cho doanh thu hơn 10 tỷ đồng; Cỏ voi xanh, ngô sinh khối của HTX Nông nghiệp và DVTH Vô Tranh ; Bò thịt chất lượng cao, chuỗi rau an toàn (bí xanh Văn Lang),...

(6) Tăng cường công tác thông tin thị trường, phát triển hạ tầng thương mại, xây dựng thương hiệu và mở rộng thị trường tiêu thụ

Công tác tạo lập, quản lý, khai thác và phát triển nhãn hiệu, thương hiệu, sở hữu trí tuệ cho các sản phẩm nông sản: Hiện nay, trên địa bàn huyện đã tạo lập, quản lý và phát triển nhãn hiệu tập thể “Bí xanh Văn Lang Hạ Hòa Phú Thọ” “Chè xanh Yên Kỳ”; các sản phẩm nông sản có thương hiệu, sở hữu trí tuệ như: Bí xanh Văn Lang, Bí vua, Dưa leo, Dưa lê, Dưa lưới, Chuối tây, Cam Duy Phương, Bánh sắn Chiến Tú, cá Lăng, cá Tầm Vô Tranh,....

Các hoạt động quảng bá, giới thiệu sản phẩm nông sản được thực hiện bằng nhiều hình thức, nhất là hỗ trợ các doanh nghiệp, HTX, hộ dân tham gia chương trình ứng dụng công nghệ thông tin, thương mại điện tử trong việc giới thiệu, quảng bá, tiêu thụ sản phẩm (sàn giao dịch điện tử như: Giaothuong.net.vn; nongsan.phutho.gov.vn, Postmart-VNPost, Viettelpost; mạng internet, các ứng dụng bán hàng trực tuyến).

(7) Đầu tư phát triển hạ tầng nông nghiệp, nông thôn

Chỉ đạo các xã, thị trấn tích tụ, tập trung đất đai để thu hút Doanh nghiệp vào đầu tư, xây dựng các vùng chuyên canh; xây dựng giao thông, kiên cố hóa kênh mương, hiến đất xây dựng các công trình của địa phương.

(8) Tiếp tục phát triển nguồn nhân lực đáp ứng được nền sản xuất nông nghiệp hiện đại; Các lớp tập huấn, đào tạo chuyên gia KHKT, công nghệ mới cho người lao động được thực hiện thông qua các dự án, mô hình liên kết sản xuất tiêu thụ trên địa bàn huyện; đồng thời mở các lớp dạy nghề nông nghiệp cho lao động nông thôn trên địa bàn; kết quả số lao động qua đào tạo nghề nông nghiệp trên địa bàn huyện chiếm 60%.

III. ĐÁNH GIÁ CHUNG

1. Kết quả đạt được

Công tác chỉ đạo, điều hành được quan tâm thực hiện có hiệu quả đáp ứng yêu cầu thực tiễn tại địa phương; Hình thức tổ chức sản xuất có nhiều đổi mới, phát huy hiệu quả; tích cực đưa các mô hình có hiệu quả kinh tế theo hướng sản xuất hàng hoá, giúp nông dân bao tiêu sản phẩm sau thu hoạch; đảm bảo đúng định hướng về xác định có cấu cây trồng vật nuôi chủ lực, có lợi thế, vùng sản xuất trọng điểm phù hợp với thực tiễn địa phương, một số sản phẩm nằm trong nhóm dẫn đầu tỉnh về sản phẩm nông nghiệp như Bí xanh, Chuối tây,...; đưa các giống cây, con mới có năng suất, chất lượng tốt vào thử nghiệm để nhân ra diện rộng và phát triển, thay thế các giống cây, con kém chất lượng, hiệu quả kinh tế thấp; đa dạng hoá các loại sản phẩm trên địa bàn huyện. Kết cấu hạ tầng nông nghiệp, nông thôn được quan tâm, đầu tư đã đáp ứng tốt hơn cho phát triển kinh tế nông, lâm nghiệp, thủy sản trên địa bàn huyện; công tác quản lý nhà nước, phòng chống thiên tai, dịch bệnh kịp thời, sát thực tiễn, có hiệu quả, góp phần giảm thiệt hại cho sản xuất, ổn định đời sống người dân; qua đó góp phần tích cực vào phát triển kinh tế - xã hội, giảm nghèo bền vững, tăng thu nhập, nâng cao các vấn đề an sinh xã hội.

2. Hạn chế và nguyên nhân

2.1. Hạn chế

- Sản xuất nông nghiệp gặp nhiều khó khăn do phụ thuộc vào thời tiết, dịch bệnh trên cây trồng vật nuôi tiềm ẩn nguy cơ bùng phát, giá các loại vật tư đầu vào tăng cao ảnh hưởng đến đầu tư của người dân; việc ứng dụng công nghệ cao trong sản xuất, bảo quản, chế biến còn chưa nhiều, chất lượng nông sản còn chưa đồng đều và ổn định do nguồn lực trong dân còn hạn chế, giá nông sản bấp bênh; tình trạng người nông dân bỏ ruộng, bỏ vụ có xu hướng tăng.

- Chương trình phát triển các sản phẩm đặc sản, đặc trưng, có lợi thế gắn với xây dựng thương hiệu và thực hiện chương trình (OCOP) một số xã còn chưa quan tâm thực hiện; nguồn kinh phí dành cho chương trình còn ít, chưa tiêu chuẩn hoá được các sản phẩm. Người nông dân chưa quan tâm tham gia vào chuỗi giá trị nông sản dẫn tới khả năng cạnh tranh của hàng hóa thấp, giá trị không cao. Số

lượng doanh nghiệp tham gia đầu tư vào lĩnh vực sản xuất nông nghiệp còn ít do thiếu cơ chế chính sách, độ rủi ro cao.

2.2. Nguyên nhân

- Nguyên nhân khách quan:

Là huyện miền núi có địa bàn rộng, địa hình phức tạp; diễn biến của thời tiết bất thường, thiên tai lũ lụt thường xuyên xảy ra. Ruộng đất manh mún, nhỏ lẻ; khó áp dụng cơ giới hóa và hạn chế khả năng đầu tư của nông dân, trở ngại cho việc liên kết giữa doanh nghiệp với người dân trong sản xuất, chế biến và tiêu thụ.

Các khu công nghiệp được xây dựng đã thu hút một phần lao động nông nghiệp chuyển sang làm công nhân có thu nhập cao hơn so với sản xuất nông nghiệp dẫn đến tình trạng nông dân bỏ ruộng.

- Nguyên nhân chủ quan:

+ Một số cấp ủy Đảng, chính quyền cấp cơ sở chưa thực sự quyết liệt trong công tác tuyên truyền, phổ biến hướng dẫn người dân có đủ điều kiện tham gia chương trình, chính sách phát triển sản xuất nông nghiệp; nhất là chương trình mỗi xã một sản phẩm; chưa phát huy tính chủ động, sáng tạo; còn thụ động, trông chờ vào đầu tư của Nhà nước.

+ Công tác dự báo thị trường của chính quyền địa phương và người dân còn hạn chế. Một bộ phận nông dân phát triển sản xuất tự phát, không tuân theo quy hoạch dẫn đến rủi ro cao và gây ô nhiễm môi trường nông thôn.

+ Một số xã, khu điều kiện kinh tế còn nhiều khó khăn, cơ sở hạ tầng chưa đồng bộ; đầu tư vào nông nghiệp còn thấp.

IV. NHIỆM VỤ, GIẢI PHÁP CHỦ YẾU TIẾP TỤC THỰC HIỆN NGHỊ QUYẾT, KẾT LUẬN TRONG THỜI GIAN TỚI

1. Nhiệm vụ trọng tâm trong thời gian tới

1.2. Nhiệm vụ phát triển nông, lâm, thủy sản giai đoạn 2021-2025

- Đẩy mạnh phát triển sản xuất nông nghiệp hàng hóa gắn với sản phẩm có lợi thế, kết nối thị trường tiêu thụ đem lại hiệu quả kinh tế bền vững.

+ Lĩnh vực Trồng trọt: Tích tụ, tập trung đất đai để phát triển các cây trồng chủ lực, có lợi thế, cây đặc sản, sản xuất theo hướng hàng hóa của các địa phương như cây lúa, rau các loại, cây ăn quả (chuối, bưởi, cam,...). Xây dựng các mô hình điểm, mô hình trình diễn làm cơ sở nhân ra diện rộng. Xây dựng vùng sản xuất hàng hóa tập trung, chuyên canh các sản phẩm chủ lực có lợi thế, sản phẩm đặc trưng gắn với du lịch tâm linh Đền Mẫu.

+ Lĩnh vực chăn nuôi: Tập trung phát triển chăn nuôi theo hướng trang trại, gia trại an toàn sinh học; đưa các giống vật nuôi chủ lực, có lợi thế, đặc sản, sản xuất theo hướng hàng hóa như: bò chất lượng cao BBB, lợn ngoại, gia cầm và các vật nuôi đặc sản khác. Xây dựng các mô hình điểm, dự án thử nghiệm, trình diễn để làm cơ sở nhân ra diện rộng.

Chuyển đổi diện tích cây trồng kém hiệu quả sang trồng cây thức ăn chăn nuôi như trồng ngô sinh khối, các loại cỏ làm thức ăn cho gia súc, diện tích đất đồi kém hiệu quả sang xây dựng khu, vùng, trang trại chăn nuôi công nghiệp theo hướng an toàn gắn với xây dựng hạ tầng đồng bộ đảm bảo không gây ô nhiễm môi trường và tái sử dụng nguồn năng lượng từ chất thải chăn nuôi thông qua hệ thống biogas, máy phát điện từ khí bioga; tổ chức sản xuất liên kết theo chuỗi giá trị gắn với tiêu thụ sản phẩm.

+ Lĩnh vực Thủy sản: Tập trung phát triển các loại thủy sản có giá trị kinh tế cao: cá Tầm, cá Lăng, cá chép lai, chép giòn, trắm cỏ, trắm đen, diêu hồng, rô phi, ốc nhồi, tôm càng xanh... Chuyển đổi diện tích đất một lúa kém hiệu quả sang nuôi trồng thủy sản theo hướng đầu tư thâm canh gắn với xây dựng hạ tầng đồng bộ. Xây dựng vùng sản xuất hàng hóa tập trung, chuyên canh thủy sản theo hướng VietGAP trên địa bàn các xã Yên Luật, Vĩnh Chân, Yên Kỳ, Minh Côi, Xuân Áng...

+ Lĩnh vực Lâm nghiệp: Thực hiện các giải pháp nâng cao năng suất, chất lượng rừng trồng, phát triển diện tích rừng gỗ lớn.

- Tăng cường các hoạt động ứng dụng khoa học công nghệ, đặc biệt là công nghệ cao vào sản xuất, tập trung vào các lĩnh vực, sản phẩm đột phá, hiệu quả cao. Đầu tư cơ sở hạ tầng, kỹ thuật cho phát triển ứng dụng khoa học công nghệ trong sản xuất nông nghiệp. Hỗ trợ các doanh nghiệp có tiềm năng phát triển, trở thành doanh nghiệp nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao. Phấn đấu đến năm 2025 có ít nhất 02 doanh nghiệp nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao.

- Đổi mới, phát triển và nâng cao hiệu quả các hình thức tổ chức sản xuất hợp tác xã, tổ hợp tác, trang trại qua hình thức liên kết sản xuất gắn với tiêu thụ, liên kết theo chuỗi giá trị, trong đó doanh nghiệp làm nòng cốt.

- Triển khai có hiệu quả Chương trình Mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới, huy động các nguồn lực từ chương trình đầu tư xây dựng hệ thống cơ sở hạ tầng nông nghiệp nông thôn, phục vụ phát triển nền nông nghiệp hàng hóa.

2. Các giải pháp tập trung chỉ đạo

- Phối hợp chặt chẽ với các ngành trong khối nông nghiệp của huyện chuẩn bị tốt các điều kiện phục vụ kế hoạch sản xuất hàng vụ, hàng năm.

- Tích cực công tác đôn đốc, chuẩn bị nguồn giống, các vật tư thiết yếu phục vụ sản xuất. Hướng dẫn nông dân chủ động trong công tác chăm sóc phòng trừ sâu bệnh đối với lúa và các loại cây trồng hàng năm. Tổ chức kế hoạch diệt chuột tập trung để bảo vệ an toàn cho sản xuất và bảo vệ sức khỏe cho con người và bảo vệ các công trình thủy lợi. Thực hiện chuyển đổi cơ cấu cây trồng.

- Xây dựng kế hoạch đẩy mạnh ứng dụng quản lý dịch hại tổng hợp (IPM) trên cây trồng trên địa bàn huyện.

- Tăng cường quản lý nhà nước trên lĩnh vực nông nghiệp. Đặc biệt quản lý chặt chẽ việc kinh doanh, sử dụng các loại giống cây, con và vật tư nông, lâm nghiệp.

- Thực hiện hiệu quả các biện pháp phòng chống dịch bệnh trên đàn gia súc, gia cầm. Kịp thời phát hiện và ngăn chặn, hạn chế dịch bệnh lây lan trên địa bàn. Triển khai kế hoạch tiêm phòng cho đàn vật nuôi đảm bảo theo kế hoạch của UBND tỉnh.

- Tiếp tục thực hiện tích tụ, tập trung đất đai để thu hút các doanh nghiệp vào địa bàn đầu tư phát triển sản xuất. Thực hiện chuyển đổi cơ cấu cây trồng, mở rộng diện tích nuôi thủy sản trên đất lúa 1 vụ thường xuyên bị gập úng, đưa các giống thủy sản có chất lượng vào nuôi thả có ứng dụng công nghệ cao mang lại hiệu quả và nâng cao thu nhập cho người dân. Chuyển đổi diện tích đất đồi trồng cây lâm nghiệp kém hiệu quả sang trồng ngô sinh khối, cỏ voi mang lại thu nhập cho người dân.

- Tiếp tục xây dựng cơ chế hỗ trợ các chương trình phát triển nông nghiệp của huyện; tích cực tuyên truyền các chính sách hỗ trợ của tỉnh, khuyến khích tạo điều kiện cho các doanh nghiệp và người dân tham gia thực hiện chính sách theo đúng quy định. Công tác chỉ đạo, điều hành cần được quan tâm kịp thời, tháo gỡ những vướng mắc để triển khai thực hiện có hiệu quả các chương trình, đảm bảo cơ chế hỗ trợ thực sự là động lực thúc đẩy phát triển sản xuất và thực hiện hoàn thành các chỉ tiêu kinh tế xã hội. Tiếp tục khuyến khích các hộ có đủ điều kiện thành lập trang trại, THT, HTX theo quy định. Triển khai nghiêm túc chính sách dịch vụ công ích thủy lợi, đảm bảo diện tích dịch vụ thủy lợi được cung cấp đầy đủ nguồn nước, phục vụ sản xuất nông nghiệp có hiệu quả.

Trên đây là Báo cáo Tiến độ, kết quả thực hiện Kết luận số 121-KL/TU ngày 21/09/2021 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về kế hoạch phát triển nông, lâm nghiệp, thủy sản huyện Hạ Hòa giai đoạn 2021-2025, định hướng đến năm 2030, Ủy ban nhân dân huyện Hạ Hòa trân trọng báo cáo/.

Nơi nhận:

- CT, CPCT;
- VP Huyện ủy (b/c);
- Phòng TC-KH;
- Lưu: VT, NN.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Nguyễn Ngọc Hồng